**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

**MÔN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP LỚP 12**

***Bộ sách: Chân trời sáng tạo***

| **HỌC KỲ I: 18 tuần x 3 tiết/tuần = 54 tiết** | | | | |  | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **TIẾT** | **QUY MÔ** | **TÊN CHỦ ĐỀ/NỘI DUNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | |
| **CHỦ ĐỀ 1: THỂ HIỆN SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA BẢN THÂN** **(9 tiết)** | | | | | | | |
| TUẦN 1 | 1 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. | - Nhận diện được sự trưởng thành của bản thân.  - Nhận diện được khả năng tư duy độc lập và khả năng thích ứng với sự thay đổi của bản thân.  - Điều chỉnh được cảm xúc của bản thân và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau.  - Thực hiện được công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và thực hiện cam kết đề ra.  - Thể hiện được tinh thần trách nhiệm, sự trung thực, tuân thủ nội quy, quy định của pháp luật trong đời sống. | |
| 2 | Lớp | NV1: Tìm hiểu về sự trưởng thành. |
| 3 | Lớp | NV2: Nhận diện khả năng tư duy độc lập của bản thân.  NV3: Thể hiện khả năng thích ứng với sự thay dồi của bản thân. |
| TUẦN 2 | 4 | Lớp | NV4: Điều chỉnh cảm xúc và ứng xử hợp lí trong những tình huống giao tiếp khác nhau. |
| 5 | Lớp | NV5: Thực hiện công việc theo kế hoạch, tuân thủ thời gian và cam kết đề ra.  NV6: Sống và làm việc theo pháp luật. |
| 6 | Lớp | NV7: Tổ chức sự kiện đánh dấu sự trưởng thành. |
| TUẦN 3 | 7 | Lớp | SH quy mô lớp: Thảo luận chủ đề “Trách nhiệm và trung thực trong tuân thủ qui định của pháp luật”. |
| 8 | Trường | Tọa đàm “Trưởng thành tuổi 18" |
| 9 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| **CHỦ ĐỀ 2: THEO ĐUỔI ĐAM MÊ (9 tiết)** | | | | | | | |
| TUẦN 4 | 10 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. | - Nhận diện được phẩm chất ý chí và sự đam mê của bản thân.  - Xác định được những phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường của bản thân phù hợp với ngành, nghề lựa chọn;  - Đánh giá được sự phù hợp của nghề với khả năng và sở thích của bản thân.  - Thể hiện được bản lĩnh của bản thân trong việc thực hiện đam mê theo đuổi nghề yêu thích.  - Tự tin về bản thân và tự tin với định hướng nghề nghiệp của mình. | |
| 11 | Lớp |  |
| 12 | Lớp | NV2: Nhận diện biểu hiện ý chí của bản thân  NV3: Xác định phẩm chất, năng lực, hứng thú, sở trường phù hợp với ngành, nghề lựa chọn. |
| TUẦN 5 | 13 | Lớp | NV4: Thể hiện bản lĩnh trong việc theo đuổi đam mê với nghề yêu thích |
| 14 | Lớp | NV5: Rèn luyện sự tự tin về bản thân  NV6: Thể hiện sự tự tin trong định hướng nghề nghiệp của bản thân |
| 15 | Lớp | NV7: Thực hiện kế hoạch rèn luyện theo đuổi đam mê của bản thân. |
| TUẦN 6 | 16 | Lớp | SH quy mô lớp: Thể hiện sự tự tin trong định hướng nghề nghiệp của bản thân |
| 17 | Trường | Thực hiện kế hoạch rèn luyện theo đuổi đam mê của bản thân |
| 18 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| **CHỦ ĐỀ 3: PHÁT TRIỂN MỐI QUAN HỆ VỚI THẦY CÔ VÀ CÁC BẠN (10 tiết + 2 KT)** | | | | | | | |
| TUẦN 7 | 19 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. | - Nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng được các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô, bạn bè.  - Hợp tác được với mọi người trong hoạt động và biết giải quyết mâu thuẫn trong các mối quan hệ bạn bè.  - Thể hiện được lập trường quan điểm phù hợp khi phân tích dư luận xã hội về mối quan hệ bạn bè trên mạng xã hội.  - Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.  - Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể. | |
| 20 | Lớp | NV1: Tìm hiểu những việc làm thể hiện sự phát triển mối quan hệ với thầy cô. |
| 21 | Lớp | NV2: Tìm hiểu những việc làm thể hiện sự hợp tác và phát triển mối quan hệ với các bạn.  NV3: Nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng các mối quan hệ tốt đẹp với thầy cô. |
| TUẦN 8 | 22 | Lớp | NV4: Hợp tác và phát triển mối quan hệ tốt dẹp với các bạn.  NV5: Giải quyết mâu thuẫn trong mối quan hệ với các bạn. |
| 23 | Lớp | Đánh giá giữa học kì I |
| 24 |
| TUẦN 9 | 25 | Lớp | NV6: Thể hiện lập trường, quan điểm khi phân tích dư luận xã hội về mối quan hệ với các bạn trên mạng xã hội. |
| 26 | Lớp | NV7: Đánh giá ý nghĩa của hoạt động phát triển các mối quan hệ và xây dựng truyền thống nhà trường đối với cá nhân và tập thể. |
| 27 | Lớp | NV8: Thực hiện các hoạt động theo chủ đề của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. |
| TUẦN 10 | 28 | Lớp | NV9: Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động phát triển mối quan hệ với thầy cô, bạn bè để góp phần phát huy truyền thống nhà trường. |
| 29 | Trường | Chia sẻ với chủ đề “Thầy cô và mái trường” |
| 30 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| **CHỦ ĐỀ 4. XÂY DỰNG GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH (9 tiết)** | | | | | | | |
| TUẦN 11 | 31 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. | - Thực hiện được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình và thấy được giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội.  - Thể hiện sự chăm sóc chu đáo đến các thành viên trong gia đình.  - Thể hiện sự chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. | |
| 32 | Lớp | NV1: Tìm hiểu ảnh hưởng của giá trị gia đình đối với cá nhân và xã hội. |
| 33 | Lớp | NV2: Thực hiện vai trò, trách nhiệm của bản thân trong việc tổ chức cuộc sống gia đình. |
| TUẦN 12 | 34 | Lớp | NV3: Thể hiện sự chăm sóc chu đáo các thành viên trong gia đình. |
| 35 | Lớp | NV4: Chủ động tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong gia đình. |
| 36 | Lớp | NV5: Xây dựng, phát huy các giá trị gia đình. |
| TUẦN 13 | 37 | Lớp | SH quy mô lớp: Những điều khó nói với người thân |
| 38 | Trường | Chương trình văn nghệ với chủ đề gia đình yêu thương |
| 39 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| **CHỦ ĐỀ 5. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH TRONG CUỘC SỐNG (10 tiết + 2 KT)** | | | | | | | |
| TUẦN 14 | 40 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. | - Phân tích được chi phí sinh hoạt trong gia đình có thể bị ảnh hưởng bởi thu nhập thực tế, quyết định chi tiêu và lối sống.  - Lập và thực hiện được kế hoạch phát triển tài chính cho bản thân trong điều kiện phù hợp. | |
| 41 | Lớp | NV1: Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến chi phí sinh hoạt trong gia đình. |
| 42 | Lớp | NV2: Phân tích ảnh hưởng của thu nhập thực tế và quyết định chi tiêu đến chi phí sinh hoạt trong gia đình. |
| TUẦN 15 | 43 | Lớp | NV3: Phân tích ảnh hưởng của lối sống đến chi phí sinh hoạt trong gia đình. |
| 44 | Lớp | NV4: Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển tài chính cho bản thân trong điều kiện phù hợp. |
| 45 | Lớp | NV5: Phát triển tài chính cá nhân trong cuộc sống. |
| TUẦN 16 | 46 | Lớp | SH quy mô lớp: Vận dụng các nội dung của chủ đề để phát triển tài chính cho bản thân và gia đình. |
| 47,48 | Trường | Chia sẻ kinh nghiệm phát triển tài chính cá nhân. |
| TUẦN 17 | 49 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| 50 | Lớp | Đánh giá cuối học kì I |
| 51 |
| **CHỦ ĐỀ 6: THAM GIA XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG** **(12 tiết)** | | | | | | | |
| TUẦN 18 | 52 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. |  | |
| 53 | Lớp | NV1: Tìm hiểu các nền văn hoá khác nhau trong cộng đồng và truyền thống đoàn kết, hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc. |
| 54 | Lớp | NV2: Xác định những biểu hiện của sự hứng thú và ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau. |
| **HỌC KỲ II: 17 tuần x 3 tiết/tuần = 51 tiết** | | | | |  | | |
| **TUẦN** | **TIẾT** | **QUY MÔ** | **TÊN CHỦ ĐỀ/NỘI DUNG** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | |
| **CHỦ ĐỀ 6: THAM GIA XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG** **(12 tiết) – Tiếp theo** | | | | | | | |
| TUẦN 19 | 55 | Lớp | NV3: Thể hiện thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá. | - Thể hiện được sự hứng thú, ham hiểu biết khi khám phá các nền văn hoá khác nhau; thể hiện được thái độ tôn trọng sự khác biệt giữa các nền văn hoá.  - Thực hiện được các hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, hoà bình hữu nghị.  - Thể hiện được sự chủ động và tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội, sẵn sàng chia sẻ giúp đỡ cộng đồng.  - Xây dựng và triển khai được dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo và quản lí dự án hiệu quả.  - Đánh giá được ý nghĩa của hoạt động xã hội. | |
| 56 | Lớp | NV4: Tham gia các hoạt động giáo dục tinh thần đoàn kết, hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc. |
| 57 | Lớp | NV5: Thể hiện sự chủ động và tự tin trong thiết lập các mối quan hệ xã hội, sẵn sàng chia sẻ, giúp đỡ cộng đồng. |
| TUẦN 20 | 58 | Lớp | NV6: Xây dựng, thực hiện và quản lí dự án hoạt động tình nguyện nhân đạo. |
| 59 | Lớp | NV7: Đánh giá ý nghĩa của các hoạt động xã hội. |
| 60 | Lớp | NV8: Diễn đàn về các nền văn hoá và tinh thần đoàn kết, hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc.  NV9: Tham gia phát triển cộng đồng bền vững. |
| TUẦN 21 | 61 | Lớp | SH quy mô lớp: Trình diễn nét văn hóa của các dân tộc |
| 62 | Trường | Tổ chức sự kiện Ngày hội văn hóa các dân tộc |
| 63 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| **CHỦ ĐỀ 7: XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP VÀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG (9 tiết)** | | | | | | | |
| TUẦN 22 | 64 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. | - Trình bày được xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại.  - Tìm hiểu tính chuyên nghiệp trong công việc, đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp.  - Chỉ ra được những phẩm chất và năng lực cần có của người lao động trong xã hội hiện đại.  - Phân tích được những thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.  - Phân tích và xử lí được các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. | |
| 65 | Lớp | NV1: Tìm hiểu các xu hướng phát triển nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. |
| 66 | Lớp | NV2: Tìm hiểu tính chuyên nghiệp trong công việc và đảm bảo yêu cầu về an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp. |
| TUẦN 23 | 67 | Lớp | NV3: Phân tích những phẩm chất và năng lực cần có để dáp ứng những yêu cầu của nghề trong xã hội hiện đại. |
| 68 | Lớp | NV4: Phân tích những thông tin cơ bản về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng của thị trường lao động.  NV5: Phân tích các thông tin nghề nghiệp, thông tin về các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. |
| 69 | Lớp | NV6: Diễn dàn về xu hướng nghề nghiệp trong xã hội hiện đại. |
| TUẦN 24 | 70 | Lớp | SH quy mô lớp: Thực hành thu thập và xử lí số liệu; Phân tích đánh giá thị trường lao động. |
| 71 | Trường | Diễn đàn “Chọn nghề nghiệp - Sáng tương lai” |
| 72 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| **CHỦ ĐỀ 8: SẴN SÀNG HỌC TẬP VÀ LAO ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP (16 tiết + 2 KT)** | | | | | | | |
| TUẦN 25 | 73 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. | - Đưa ra được quyết định lựa chọn nghề, nhóm nghề hoặc lựa chọn được ngành học, trường học và chuẩn bị tâm lí thích ứng với môi trường làm việc hoặc học tập tương lai.  - Tham khảo được ý kiến của gia đình, thầy cô, chuyên gia làm cơ sở cho việc chọn hướng học tập nghề nghiệp phù hợp với bản thân.  - Rèn luyện được một số phẩm chất và năng lực phù hợp với nghề định lựa chọn và có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết.  - Có tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội. | |
| 74 | Lớp | NV1: Tìm hiểu về môi trường học tập hoặc làm việc tương lai. |
| 75 | Lớp | NV2: Xác định các yếu tố tâm lí cần chuẩn bị để thích ứng với môi trường học tập hoặc làm việc tương lai. |
| TUẦN 26 | 76 | Lớp | NV3: Tham khảo ý kiến của gia đình, thầy cô, chuyên gia về việc chọn hướng học tập hoặc môi trường làm việc phù hợp với bản thân. |
| 77 | Lớp | Đánh giá giữa học kì II |
| 78 |
| TUẦN 27 | 79 | Lớp | NV4: Quyết định lựa chọn nghề, nhóm nghề. |
| 80,81 | Lớp/Trải nghiệm thực tế | NV5: Trải nghiệm tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và ra quyết định lựa chọn ngành học, trường học. |
| TUẦN 28 | 82-84 | Lớp/Trải nghiệm thực tế | NV5: Trải nghiệm tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và ra quyết định lựa chọn ngành học, trường học (Tiếp theo) |
| TUẦN 29 | 85 | Lớp | NV6: Rèn luyện một số phẩm chất và năng lực phù hợp với nghề định lựa chọn. |
| 86 | Lớp | NV7: Rèn luyện một số phẩm chất, năng lực cần có để có thể chuyển đổi nghề khi cần thiết. |
| 87 | Lớp | NV8: Thể hiện tâm thế sẵn sàng bước vào thế giới nghề nghiệp, tham gia và hoà nhập với lực lượng lao động xã hội |
| TUẦN 30 | 88,89 | Lớp | NV9: Tọa đàm về sự sẵn sàng học tập và làm việc theo định hướng nghề nghiệp |
| 90 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| **CHỦ ĐỀ 9: BẢO VỆ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN, THẾ GIỚI ĐỘNG VẬT VÀ THỰC VẬT (13 tiết + 2 KT)** | | | | | | | |
| TUẦN 31 | 91 | Lớp | Giới thiệu ý nghĩa, nội dung cơ bản; các phương thức và loại hình trải nghiệm; những nhiệm vụ HS cần thực hiện. | - Lập và thực hiện được kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động vật, thực vật và bảo vệ thế giới động vật, thực vật ở địa phương.  - Nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của cá nhân, tổ chức trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã.  - Đánh giá được thực trạng bảo tồn một số danh lam thắng cảnh ở địa phương.  - Đề xuất và thực hiện được các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.  - Thực hiện và tuyên truyền được đến người thân, cộng đồng các biện pháp bảo vệ thế giới động vật, thực vật.  - Thực hiện được việc tuyên truyền trong cộng đồng về ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên và hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên. | |
| 92 | Lớp | NV1: Nhận biết những việc làm bảo vệ thế giới động vật, thực vật và bảo tồn danh lam thắng cảnh. |
| 93 | Lớp | NV2: Lập và thực hiện kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động vật, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương. |
| TUẦN 32 | 94 | Lớp/Trải nghiệm thực tế | NV2: Lập và thực hiện kế hoạch khảo sát thực trạng thế giới động vật, thực vật và bảo vệ thế giới động, thực vật ở địa phương (Tiếp theo) |
| 95 |
| 96 |
| TUẦN 33 | 97 | Lớp | NV3: Nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm của cá nhân, tổ chức trong việc bảo tồn thế giới tự nhiên và động vật hoang dã. |
| 98 | Lớp | NV4: Đánh giá thực trạng bảo tồn danh lam thẳng cảnh ở địa phương. |
| 99 | Lớp | NV5: Đề xuất và thực hiện các giải pháp tích cực, sáng tạo trong việc bảo tồn cảnh quan thiên nhiên. |
| TUẦN 34 | 100 | Lớp | NV6: Tuyên truyền các biện pháp bảo vệ thế giới động vật, thực vật và ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên, hành động chung tay gìn giữ cảnh quan thiên nhiên ở địa phương. |
| 101,102 | Trường | Cuộc thi tuyên truyền viên “Bảo vệ thế giới động vật, thực vật và cảnh quan thiên nhiên. |
| TUẦN 35 | 103 | Lớp | Đánh giá cuối học kì II |
| 104 |
| 105 | Lớp | Báo cáo sản phẩm trải nghiệm  Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng |
| **Tiết hoạt động giáo dục quy mô lớp** | | | | | **73** | |
| **Tiết sinh hoạt quy mô lớp** | | | | | **6** | |
| **Tiết trải nghiệm thực tế** | | | | | **8** | |
| **Tiết hoạt động quy mô trường** | | | | | **10** | |
| **Tiết kiểm tra đánh giá định kì** | | | | | **8** | |

..............., ngày 5 tháng 9 năm 2024

**GIÁO VIÊN THỰC HIỆN TL. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**